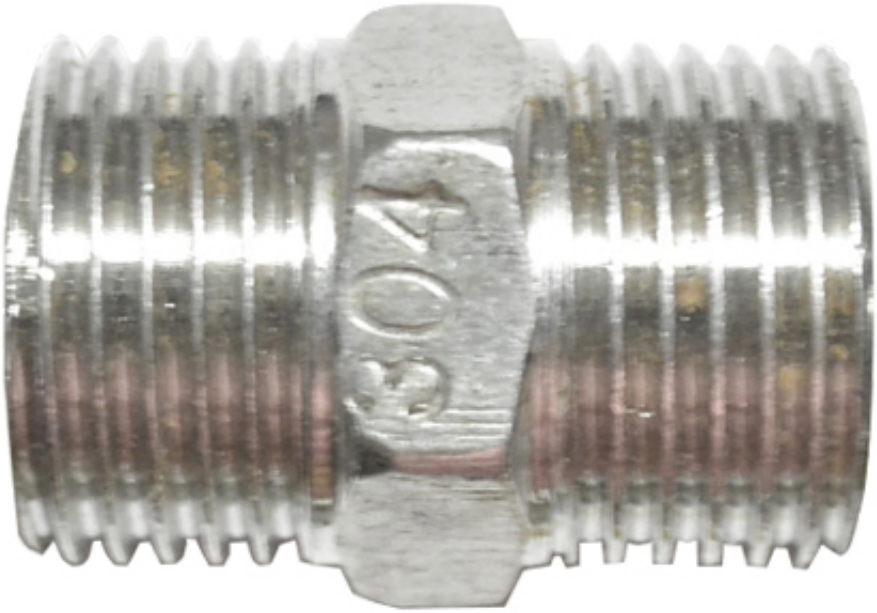


2 ĐẦU REN NGOÀI INOX 304

MODEL	SP – 21
NHÃN HIỆU	TAY
TÊN SẢN PHẨM	2 ĐẦU REN NGOÀI INOX 304 CLASS 150
Kiểu Nối	Ren ngoài - BS PT & NPT
Chất Liệu	Thép không gỉ/ Inox ASTM A351 CF8/ SUS 304 & CF8M/ SUS 316
Tiêu Chuẩn	ASME / ANSI B 16.3
Áp Lực	Class 150 Lb
Kích Cỡ	DN 8A → DN 100A ~ (¼ "inch → 4" inch)
Sử Dụng	Nước, nước thải, hóa chất, gas, xăng, dầu, khí nén, hơi nóng,...
Tình Trạng	Hàng có sẵn, mới 100%
Xuất Xứ	Thái Lan, Đài Loan, Trung Quốc.

Đơn Giá	Xin liên hệ

150LB STAINLESS STEEL SCREWED FITTINGS



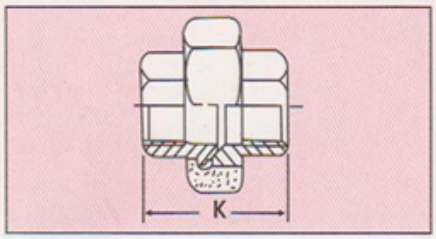
UNIONS F/F
FIG NO.: 20

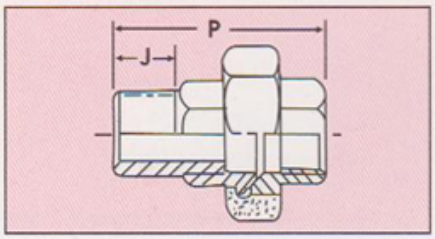


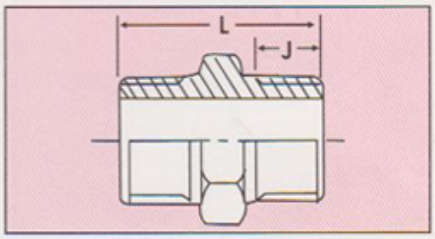
UNION M & F
FIG NO.: 20-A

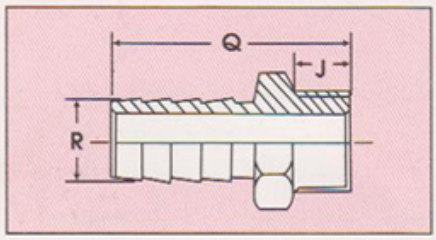


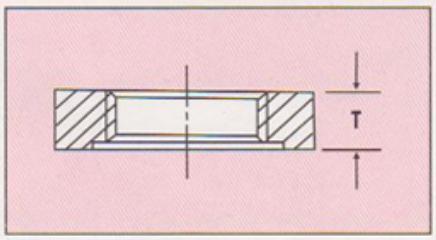
HEX NIPPLES
FIG NO.: 21

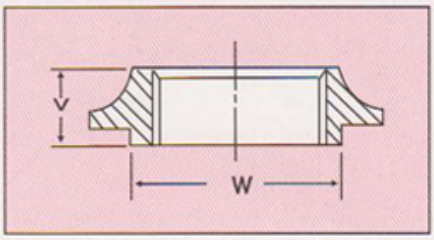








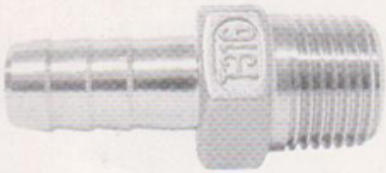




HOSE NIPPLES
FIG NO. : 21-B

HEX NUT
FIG NO. : 23

WELD SPUD
FIG NO. : 24







Unit : mm.

N.P.S. / DIM.	1/8"	1/4"	3/8"	1/2"	3/4"	1"	1-1/4"	1-1/2"	2"	2-1/2"	3"	4"
K ± 1.5	33.5	33.5	38.0	41.0	48.5	54.0	60.0	66.5	74.0	83.5	92.5	106.0
P ± 1.5	32.0	50.0	53.0	60.0	68.0	78.0	83.0	95.0	103.0	122.0	-	-
L ± 1.0	-	34.0	36.0	41.0	47.0	51.0	57.0	57.0	68.0	73.0	86.0	90.0
Q ± 1.0	-	50.0	56.0	63.0	77.0	84.0	92.0	98.0	119.0	141.0	152.0	167.0
R ± 0.5	-	8.9	11.5	14.0	19.5	26.0	34.0	40.0	52.0	67.0	78.0	105.0
J ± 1.0	-	12.0	13.0	16.0	18.0	20.0	22.0	23.0	25.0	28.0	32.0	37.0
T ± 0.8	15.0	8.0	9.0	9.0	10.0	11.0	12.0	13.0	13.0	16.0	19.0	23.0
W ± 0.5	9.6	19.0	22.0	27.0	32.0	39.0	49.0	56.0	69.0	83.0	99.0	125.0
V ± 0.8		9.6	10.3	13.5	14.3	16.7	19.0	20.0	21.5	27.0	28.6	30.2

Sản phẩm khác

RẮC CO REN THÉP RÈN A105

Xem thêm RẮC CO REN THÉP RÈN A105

CÀ RÁ REN ÁP LỰC INOX 304L

Xem thêm CÀ RÁ REN ÁP LỰC INOX 304L

MẶT BÍCH RỔNG INOX 304

Xem thêm MẶT BÍCH RỔNG INOX 304

MẶT BÍCH INOX 304

Xem thêm MẶT BÍCH INOX 304

MẶT BÍCH MÙ THÉP SS400 DIN 2527 PN40

Xem thêm MẶT BÍCH MÙ THÉP SS400 DIN 2527 PN40

MẶT BÍCH CỔ INOX 304 ANSI CLASS 150 LBS

Xem thêm MẶT BÍCH CỔ INOX 304 ANSI CLASS 150 LBS